

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại
thôn Chánh Liêm, xã Cát Tường, huyện Phù Cát của Công ty
TNHH Xây dựng Tổng hợp Hiếu Ngọc**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

*Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;*

*Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ
trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng
cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản
trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản,
trình tự thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;*

*Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ
trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt
động khai thác khoáng sản;*

*Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 27/GP-UBND ngày 13/5/2020
của UBND tỉnh cho phép Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp Hiếu Ngọc được khai
thác đất san lấp tại thôn Chánh Liêm, xã Cát Tường, huyện Phù Cát;*

*Theo Biên bản họp Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ ngày 31/8/2022
và đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1091/TTr-
STNMT ngày 16/12/2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại
thôn Chánh Liêm, xã Cát Tường, huyện Phù Cát theo Giấy phép khai thác khoáng
sản số 27/GP-UBND ngày 13/5/2020 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Xây
dựng Tổng hợp Hiếu Ngọc với các nội dung cơ bản sau đây:

1. Mục đích đóng cửa mỏ: Để thanh lý tài nguyên thuộc phần diện tích đã
khai thác hết trữ lượng và giao đất cho UBND huyện Phù Cát quản lý theo quy

định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan; phục hồi môi trường các khu vực đã khai thác.

2. Diện tích đóng cửa mỏ là 1,02ha, được giới hạn bởi các điểm góc theo Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này.

3. Khối lượng thực hiện: theo Đề án đã được Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ của UBND tỉnh thông qua.

4. Thời gian thực hiện đề án đóng cửa mỏ: đến tháng 1 năm 2026.

5. Kinh phí thực hiện đóng cửa mỏ: 39.347.000 đồng (bằng chữ: Ba mươi chín triệu, ba trăm bốn mươi bảy ngàn đồng), từ nguồn vốn của Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Hiếu Ngọc.

6. Tổ chức, cá nhân thực hiện đề án đóng cửa mỏ: Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Hiếu Ngọc.

Điều 2. Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Hiếu Ngọc có trách nhiệm:

1. Thực hiện đầy đủ khối lượng và đúng tiến độ theo đề án đóng cửa mỏ đã phê duyệt.

2. Bảo đảm tuyệt đối an toàn lao động, bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện đề án đóng cửa mỏ theo quy định.

3. Báo cáo cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định khi hoàn thành đề án để tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện Đề án đóng cửa mỏ.

4. Đề nghị đóng cửa mỏ khu vực khai thác khoáng sản theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Phù Cát, Chủ tịch UBND xã Cát Tường, Giám đốc Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Hiếu Ngọc và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT TT: N.T.Thanh;
- Tổng cục ĐC và KS VN;
- Cục KSHDKS miền Trung;
- Lưu: VT, K4, K10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục số 1

TOẠ ĐỘ RANH GIỚI KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN ĐẤT LÀM
VẬT SẢN LẬP TẠI XÃ CÁT TƯỜNG, HUYỆN PHÙ CÁT
(kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (KKT 108°15', múi chiếu 3°)			
	X(m)	Y(m)	X(m)	Y(m)
	Khu vực I		Khu vực II	
1	1.546.408	594.024	1.546.345	594.112
2	1.546.407	594.035	1.546.358	594.142
3	1.546.420	594.064	1.546.336	594.146
4	1.546.465	594.032	1.546.348	594.172
5	1.546.475	594.029	1.546.389	594.210
6	1.546.489	594.021	1.546.438	594.185
7	1.546.507	594.016	1.546.396	594.167
8	1.546.522	593.996	1.546.414	594.146
9	1.546.515	593.997	1.546.401	594.099
10	1.546.505	593.989	1.546.385	594.104
11	1.546.504	593.980	Diện tích 0,583 ha	
12	1.546.449	594.001		
13	1.546.432	593.992		
	Diện tích 0,437 ha			
Tổng diện tích 1,02ha				

ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP TẠI NÚI HỐC GIẢNG, XÃ CÁT TƯỜNG, HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh Bình Định)

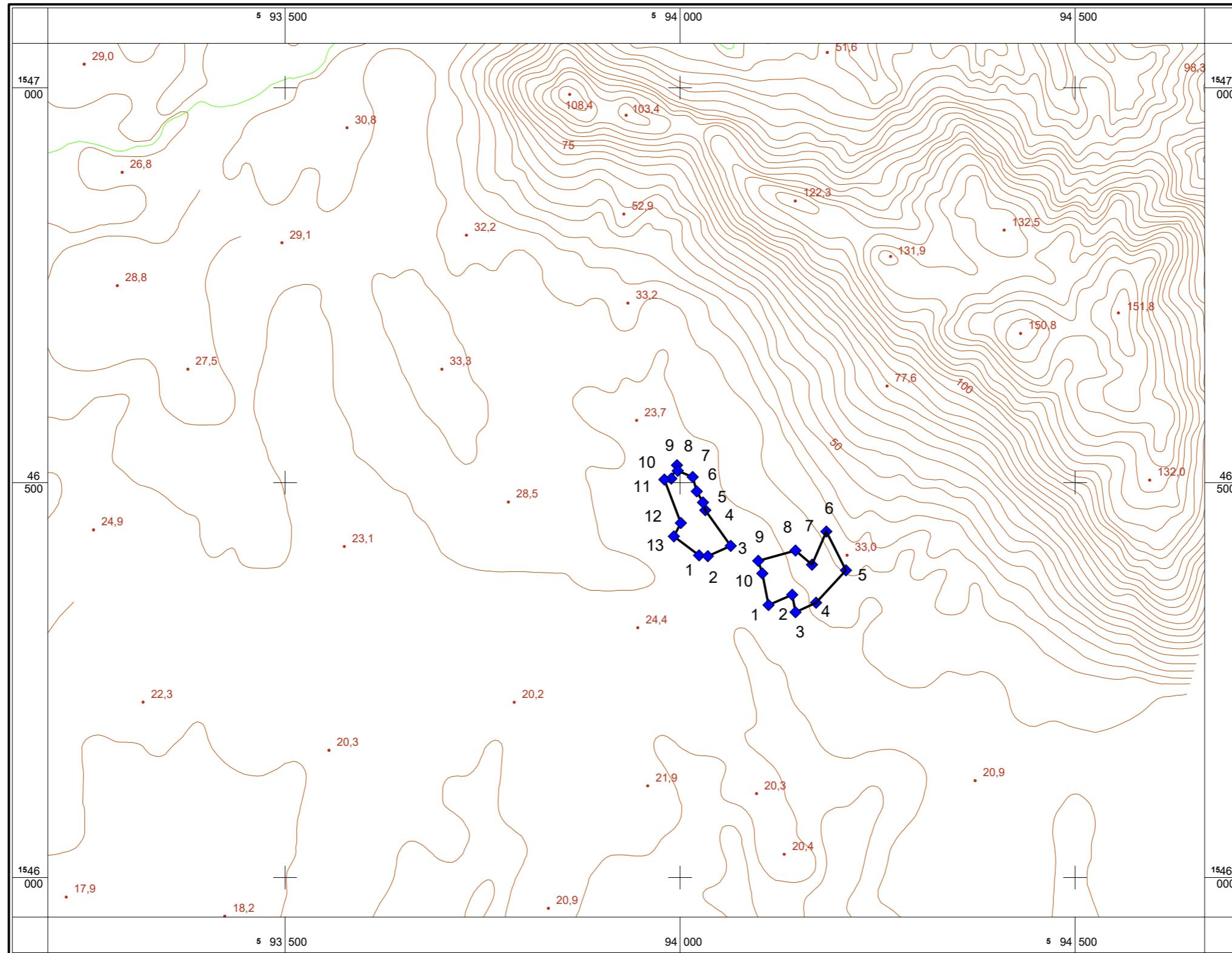
TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM GÓC

KHU VỰC I

Số hiệu điểm góc	Hệ toạ độ VN-2000 múi 3 độ, KTT 108 độ 15 phút	
	X (m)	Y (m)
1	1.546.408	594.024
2	1.546.407	594.035
3	1.546.420	594.064
4	1.546.465	594.032
5	1.546.475	594.029
6	1.546.489	594.021
7	1.546.507	594.016
8	1.546.522	593.996
9	1.546.515	593.997
10	1.546.505	593.989
11	1.546.504	593.980
12	1.546.449	594.001
13	1.546.432	593.992
Diện tích 0,437 ha		

KHU VỰC II

Số hiệu điểm góc	Hệ toạ độ VN-2000 múi 3 độ, KTT 108 độ 15 phút	
	X (m)	Y (m)
1	1.546.345	594.112
2	1.546.358	594.142
3	1.546.336	594.146
4	1.546.348	594.172
5	1.546.389	594.210
6	1.546.438	594.185
7	1.546.396	594.167
8	1.546.414	594.146
9	1.546.401	594.099
10	1.546.385	594.104
Diện tích 0,583 ha		



CHỈ DẪN

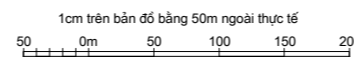
- Đường đồng mức và giá trị độ cao
- Điểm đo chi tiết và giá trị độ cao
- Hệ thống ao, hồ, sông, suối
- Điểm góc và số hiệu

Diện tích đóng cửa mỏ (1,02ha)

- Khu vực I (0,437ha)
- Khu vực II (0,583ha)

"Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình cấp xã tỷ lệ 1:10.000 tờ số 1 và số 2 xã Cát Tường. Kinh tuyến trực 108 độ 15 phút, múi chiếu 3 độ"

TỶ LỆ 1:5.000



ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP TẠI NÚI HỐC GIẢNG, XÃ CÁT TƯỜNG, HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh Bình Định)

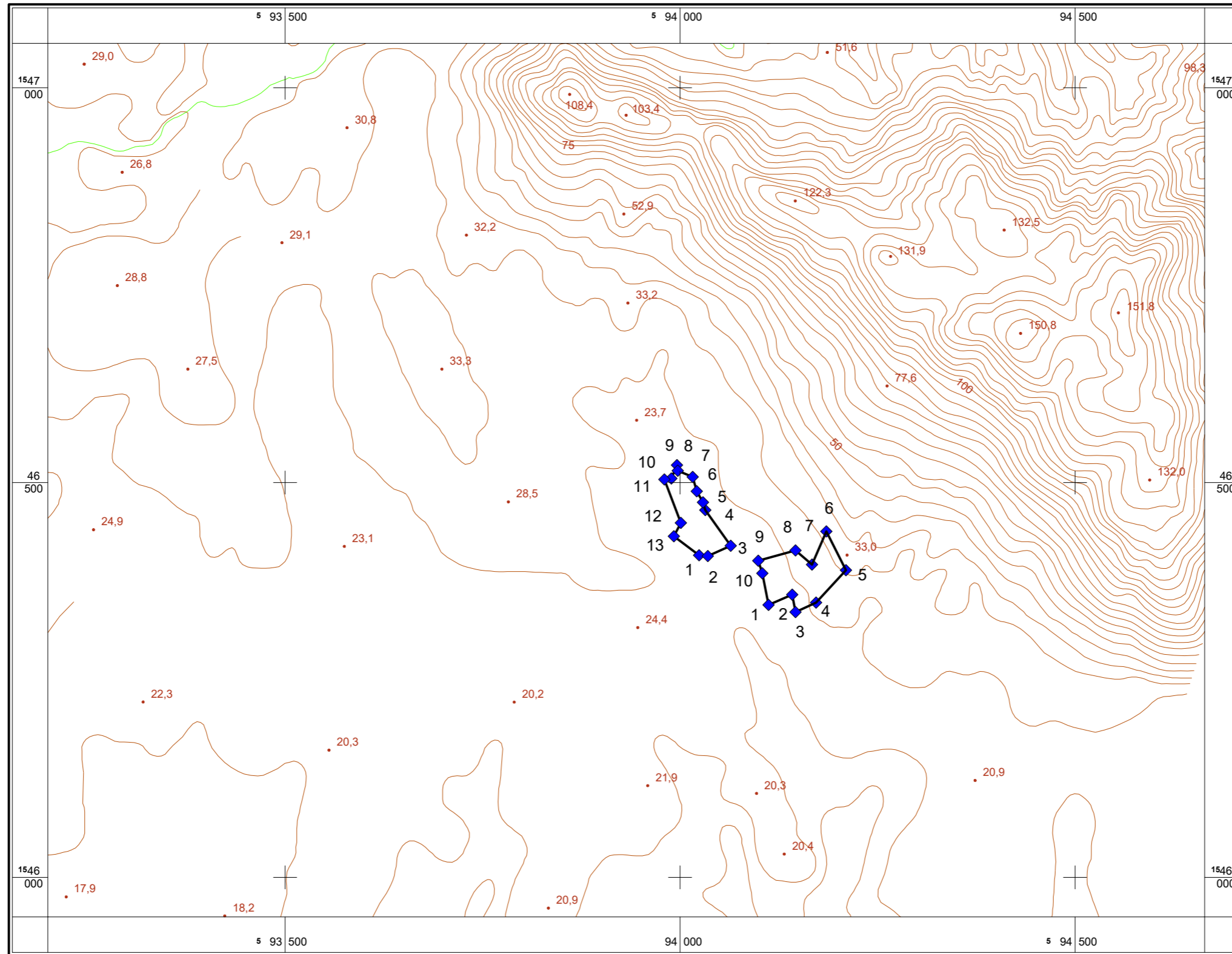
TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM GÓC

KHU VỰC I

Số hiệu điểm góc	Hệ toạ độ VN-2000 múi 3 độ, KTT 108 độ 15 phút	
	X (m)	Y (m)
1	1.546.408	594.024
2	1.546.407	594.035
3	1.546.420	594.064
4	1.546.465	594.032
5	1.546.475	594.029
6	1.546.489	594.021
7	1.546.507	594.016
8	1.546.522	593.996
9	1.546.515	593.997
10	1.546.505	593.989
11	1.546.504	593.980
12	1.546.449	594.001
13	1.546.432	593.992
Diện tích 0,437 ha		

KHU VỰC II

Số hiệu điểm góc	Hệ toạ độ VN-2000 múi 3 độ, KTT 108 độ 15 phút	
	X (m)	Y (m)
1	1.546.345	594.112
2	1.546.358	594.142
3	1.546.336	594.146
4	1.546.348	594.172
5	1.546.389	594.210
6	1.546.438	594.185
7	1.546.396	594.167
8	1.546.414	594.146
9	1.546.401	594.099
10	1.546.385	594.104
Diện tích 0,583 ha		



CHỈ DẪN

- Đường đồng mức và giá trị độ cao
- Điểm đo chi tiết và giá trị độ cao
- Hệ thống ao, hồ, sông, suối
- Điểm góc và số hiệu

Diện tích đóng cửa mỏ (1,02ha)

- Khu vực I (0,437ha)
- Khu vực II (0,583ha)

"Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình cấp xã tỷ lệ 1:10.000 tờ số 1 và số 2 xã Cát Tường. Kinh tuyến trực 108 độ 15 phút, múi chiếu 3 độ"

TỶ LỆ 1:5.000

